

Số: 295/TB-TT

Cần Thơ, ngày 09 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

**Kết quả Kỳ họp thứ Ba (kỳ họp thường lệ giữa năm 2026)
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Hội đồng nhân dân (HĐND) thành phố Cần Thơ khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 đã tổ chức Kỳ họp thứ Ba (kỳ họp thường lệ giữa năm 2026) tại Hội trường Thành ủy Cần Thơ.

Đại biểu tham dự, gồm có: 82/84 đại biểu HĐND thành phố được triệu tập; đồng chí Lê Quang Tùng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Cần Thơ; đồng chí Trương Cảnh Tuyên, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố; đồng chí Hồ Thị Cẩm Đào, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; đồng chí Trần Văn Huyền, Phó Bí thư Thành ủy; các đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; Phó Chủ tịch UBND thành phố; đại diện Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố; đại diện Đảng ủy UBND thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của thành phố có liên quan; lãnh đạo Văn phòng Thành ủy; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố; Văn phòng UBND thành phố; phóng viên các cơ quan báo, đài của Trung ương và địa phương đến dự, đưa tin về kỳ họp.

Kỳ họp khai mạc vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 29/6/2026. Sau khi thực hiện phần nghi thức, phát biểu khai mạc kỳ họp của đồng chí Đồng Văn Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố, Chủ tọa kỳ họp điều hành chương trình làm việc gồm 05 phiên họp. Tại kỳ họp, HĐND thành phố đã thảo luận và quyết nghị thông qua 48 nghị quyết (trong đó, có 30 nghị quyết quy phạm pháp luật, 18 nghị quyết cá biệt), cụ thể:

1. Nghị quyết số 03/NQ-HĐND/Mặt ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách nhà nước thành phố Cần Thơ (đầu tư khác) (thuộc danh mục bí mật nhà nước).

2. Nghị quyết số 04/NQ-HĐND/Mặt ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026 thành phố Cần Thơ (đầu tư khác) (thuộc danh mục bí mật nhà nước).

3. Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND/Mặt ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định mức hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo hoạt động trên địa bàn thành phố Cần Thơ (thuộc danh mục bí mật nhà nước).

4. Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Cơ quan nhà nước. Đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức chính trị; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ, với nội dung như sau:

a) Mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại thành phố Cần Thơ do thành phố chi toàn bộ chi phí trong nước.

b) Mức chi hội nghị quốc tế tổ chức tại thành phố Cần Thơ (trừ hội nghị quốc tế tổ chức luân phiên giữa các nước mà Việt Nam đăng cai tổ chức tại Việt Nam và do lãnh đạo Đảng, Nhà nước chủ trì) do phía thành phố Cần Thơ đài thọ toàn bộ chi phí.

c) Mức chi tiếp khách trong nước: đối với mức chi giải khát và chi mời cơm thực hiện theo quy định tại Điều 30 và khoản 1 Điều 31 Thông tư số 35/2026/TT-BTC.

d) Đối tượng khách trong nước được mời cơm khi đến thăm và làm việc tại thành phố Cần Thơ.

5. Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ, với nội dung như sau:

a) Nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông: Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo; Thông tin tuyên truyền khuyến nông; Xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn về khuyến nông; Tư vấn, dịch vụ, hợp tác quốc tế và nội dung chi khác về khuyến nông.

b) Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông.

Nguồn ngân sách nhà nước: Kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu khuyến nông; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông.

6. Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất; thẩm định bảng giá đất, thẩm định hệ số điều chỉnh giá đất, định giá đất cụ thể. Tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất. Người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, với nội dung như sau:

a) Mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất.

Mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất đối với các loại đất, vị trí đất được quy định tại Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ: $k = 1,00$.

b) Mức tối đa của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất.

Mức tối đa của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất đối với các loại đất, vị trí đất được quy định tại Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND như sau: (1) Đất trồng cây hằng năm bao gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác; đất nuôi trồng thủy sản; đất rừng sản xuất (*Chiều sâu trong 50 mét đầu: $k = 2,60$; Chiều sâu trên 50 mét: $k = 1,60$*); (2) Đất trồng cây lâu năm (*Chiều sâu trong 50 mét đầu: $k = 2,60$, Chiều sâu trên 50 mét: $k = 1,60$*); (3) Đất làm muối (*Chiều sâu trong 50 mét đầu: $k = 2,20$, Chiều sâu trên 50 mét: $k = 1,20$*); (4) Đất ở tại nông thôn (*Chiều sâu trong 20 mét đầu: $k = 4,30$, Chiều sâu trên 20 mét: $k = 2,30$*); (5) Đất ở tại đô thị (*Chiều sâu trong 20 mét đầu: $k = 4,70$, Chiều sâu trên 20 mét: $k = 2,70$*); (6) Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp ($k = 1,20$); (7) Đất thương mại, dịch vụ (*Chiều sâu trong 50 mét đầu: $k = 3,20$, Chiều sâu trên 50 mét: $k = 2,20$*); (8) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (*Chiều sâu trong 50 mét đầu: $k = 3,00$, Chiều sâu trên 50 mét: $k = 2,00$*); (9) Đất trong khu công nghệ cao ($k = 1,20$).

7. Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

Áp dụng đối với các đối tượng: Cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi

quản lý của thành phố Cần Thơ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, với nội dung như sau:

a) Quy định nội dung và mức chi cho công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó: Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (nếu có).

b) Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó: Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi nhiệm vụ có các nội dung nghiên cứu cần chuyên gia phối hợp giải quyết; Chi công tác tổ chức hội nghị, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Chi cho tổ chức chủ trì để thực hiện công tác quản lý chung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, trong đó: Chi hỗ trợ cho nhà khoa học trẻ tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế; chi hỗ trợ nhà khoa học tham dự báo cáo công trình nghiên cứu xuất sắc tại hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành; Chi đoàn ra, đoàn vào hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Chi hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ, học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ, nhà khoa học xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng; Chi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong đó ưu tiên cho nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng; Chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chi tổ chức hội thảo khoa học trong nước và quốc tế ở Việt Nam do ngân sách nhà nước hỗ trợ; Chi công bố kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong nước và quốc tế; Chi tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có kết quả xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; Chi hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Chi hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Chi

tổ chức sự kiện ngày hội đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, quốc tế; tổ chức trình diễn, giới thiệu các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

8. Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 2 Điều 39, khoản 6 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, áp dụng đối với các đối tượng: Doanh nghiệp trong nước và ngoài nước thực hiện dự án thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Quy định này được triển khai trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, với bố cục gồm: 05 Chương, 11 Điều, trong quy định các nội dung về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc hỗ trợ; (4) Tiêu chí hỗ trợ; (5) Điều kiện hỗ trợ; (6) Nội dung và mức hỗ trợ; (7) Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn; (8) Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn; (9) Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thiết bị điện tử; (10) Hội đồng thẩm định; (11) Xử lý vi phạm và hoàn trả kinh phí.

9. Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định về chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính chất đặc thù đối với các dự án điện gió trên đất liền trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định mức hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính chất đặc thù đối với người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị ảnh hưởng bởi các dự án điện gió trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất, nhà ở, công trình phục vụ đời sống, công trình xây dựng phục vụ sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp gắn liền với đất bị ảnh hưởng bởi các dự án điện gió: Nhà máy điện gió Lạc Hòa, Nhà máy điện gió Hòa Đông, Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2, Nhà máy điện gió Hòa Đông 2, Đầu tư xây dựng Nhà máy Điện gió số 3 và các tổ chức, cá nhân có liên quan, với nội dung như sau:

a) Phạm vi diện tích đất, nhà ở, công trình phục vụ đời sống, công trình xây dựng phục vụ sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp được tính hỗ trợ, hỗ trợ khác; trong đó: Diện tích đất được hỗ trợ, hỗ trợ khác là diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió; hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió là vùng xung quanh cột tháp gió được giới hạn bằng nửa hình cầu có tâm là tâm của chân cột tháp gió, bán kính bằng khoảng cách tối đa từ tâm của chân cột tháp đến mép ngoài cùng cánh tua bin gió. Nhà ở, công trình phục vụ đời sống, công trình xây dựng phục vụ sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió đã tồn tại trước thời điểm thực hiện dự án điện gió.

b) Mức hỗ trợ, hỗ trợ khác: Diện tích đất ở được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất (diện tích đất ở thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn của cột tháp gió), mức hỗ trợ bằng 240.000 đồng/m². Diện tích đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất (diện tích đất thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn của cột tháp gió), mức hỗ trợ bằng 120.000 đồng/m². Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất (diện tích đất thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn của cột tháp gió), mức hỗ trợ. Đối với nhà ở, công trình phục vụ đời sống được hỗ trợ, hỗ trợ khác bằng giá trị xây dựng mới theo Bảng đơn giá chuẩn 1m² nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới có hiệu lực pháp luật tại thời điểm thu hồi đất. Đối với công trình xây dựng phục vụ sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp phải di dời được hỗ trợ, hỗ trợ khác bằng 100% giá trị còn lại theo Bảng đơn giá chuẩn 1m² nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới có hiệu lực pháp luật tại thời điểm thu hồi đất.

c) Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ của các doanh nghiệp thực hiện dự án điện gió.

10. Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định chi tiết điểm b khoản 3 Điều 37 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 về tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Lực lượng dân phòng ở ấp, khu vực. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan, với nội dung như sau:

a) Tiêu chí thành lập Đội dân phòng: Mỗi ấp, khu vực trên địa bàn thành phố được thành lập một Đội dân phòng, bao gồm Đội trưởng, Đội phó và các Đội viên.

b) Tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng: Đội dân phòng có tối thiểu 07 thành viên gồm Đội trưởng, Đội phó và 05 thành viên. Đối với ấp có số lượng hộ gia đình từ 400 hộ, khu vực có số lượng hộ gia đình từ 550 hộ cứ tăng thêm 50 hộ thì được tăng 01 thành viên, nhưng tối đa mỗi Đội dân phòng không quá 15 thành viên.

11. Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa

cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài; tổ chức quốc tế tham gia đầu tư, đóng góp, tài trợ cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Nội dung nghị quyết quy định về: Nguyên tắc thực hiện; thứ tự ưu tiên đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa đảm bảo điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; Chính sách ưu tiên đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa đảm bảo điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; Chính sách ưu tiên đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Chính sách ưu tiên huy động các nguồn lực.

Kinh phí thực hiện: từ nguồn Ngân sách nhà nước; nguồn hỗ trợ từ Quỹ phòng, chống thiên tai và các quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

12. Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Tổ Công nghệ số cộng đồng được thành lập theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và hoạt động theo kế hoạch hằng năm do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, với nội dung chính sách hỗ trợ như sau: hỗ trợ tiền xăng xe, cước điện thoại, dữ liệu di động (4G, 5G), phục vụ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng; với mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/Tổ/tháng, thời gian hỗ trợ: kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nguồn kinh phí thực hiện: được đảm bảo từ nguồn ngân sách thành phố được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp xã.

13. Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định nội dung chi và mức chi các Giải Báo chí thành phố Cần Thơ; chi hỗ trợ tác phẩm báo chí đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế.

Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi giải thưởng, thù lao cho các Giải Báo chí trên địa bàn thành phố Cần Thơ; chi hỗ trợ tác phẩm báo chí đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế. Các Giải Báo chí được đề nghị khen thưởng và hỗ trợ phải do các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý báo chí tổ chức và cho phép, áp dụng đối với các đối tượng: Tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị

thành phố, cơ quan báo chí thành phố Cần Thơ, cơ quan báo chí Trung ương và địa phương khác đang hoạt động trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham gia các Giải Báo chí trên địa bàn thành phố Cần Thơ, với nội dung như sau:

a) Nội dung chi và mức chi giải thưởng các Giải Báo chí trên địa bàn thành phố Cần Thơ đối với: Nội dung, mức chi; Nội dung, mức chi thù lao đối với các cá nhân tham gia Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký các Giải Báo chí của thành phố Cần Thơ.

b) Nội dung, mức chi hỗ trợ tác phẩm báo chí đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế: Hỗ trợ cho các tập thể, cá nhân các cơ quan, đơn vị thành phố Cần Thơ, các cơ quan báo chí địa phương của thành phố Cần Thơ (không bao gồm các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương khác đóng trên địa bàn thành phố) có tác phẩm báo chí viết về thành phố Cần Thơ đạt giải Đặc biệt, Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích, chuyên đề hoặc các giải tương đương.

14. Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập, tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã. Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này, với nội dung như sau:

a) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, gồm: Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực. Chính sách hỗ trợ thông tin, hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện chính sách theo Điều 8 của Nghị định số 113/2024/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện chính sách theo Điều 9 của Nghị định số 113/2024/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện chính sách theo Điều 10 của Nghị định số 113/2024/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện chính sách theo Điều 11 của Nghị định số 113/2024/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro: Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện chính sách theo Điều 15 của Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

b) Nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp theo từng giai đoạn; Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia theo từng giai đoạn; Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và kinh phí hợp pháp khác.

15. Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết này quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, với nội dung như sau:

a) Nội dung chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng.

- Mức hỗ trợ: Bằng 100% chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, như sau: 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm. Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

- Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

- Phương thức hỗ trợ cụ thể: Việc hỗ trợ được thực hiện 01 lần cho mỗi dự án sau khi dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động. Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

- Doanh nghiệp sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì không được hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết này. Không thực hiện hỗ trợ chênh lệch lãi suất đối với phần dư nợ gốc và lãi vay quá hạn kể từ thời điểm phát sinh quá hạn.

b) Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách thành phố dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách địa phương (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư) hằng năm cho ngành nông nghiệp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và chính sách tại Nghị quyết này. Ngoài ra, kinh phí hỗ trợ được sử dụng nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các quỹ hợp pháp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định.

16. Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và cấp xã; Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Chi cục Thủy lợi (cơ quan giúp việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu công tác phòng, chống thiên tai cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố); cơ quan giúp việc của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã. Cán bộ, công chức, viên chức và các cá nhân thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và cấp xã, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Chi cục Thủy lợi, cơ quan giúp việc của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan, với nội dung như sau:

Nghị quyết quy định các mức chi sau: Chi công tác phí, hội nghị triển khai thực hiện nhiệm vụ, công tác phòng, chống thiên tai; chi hoạt động thông tin tuyên truyền; chi cập nhật, bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu và các công cụ hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác phòng ngừa ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; chi tập huấn, huấn luyện, đào tạo, diễn tập về phòng chống thiên tai cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai; chi tiền thưởng của Ban Chỉ huy các cấp; chi cho các hoạt động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc nâng cao năng lực hệ thống phòng thủ dân sự các cấp; các nội dung chi khác (vật tư, văn phòng phẩm, nhiên liệu, thông tin, liên lạc, các dịch vụ công cộng khác) có liên quan đến hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ thực hiện phù hợp với nhu cầu cần thiết, hợp lý theo thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định hiện hành trong phạm vi dự toán được phê duyệt và phát sinh đột xuất không lường trước (nếu có).

Công chức, viên chức, người lao động làm nhiệm vụ trực thêm giờ được tính và hưởng tiền lương làm thêm giờ theo quy định; người làm nhiệm vụ trực đêm, tính từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau tại Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Chi cục Thủy lợi; cơ quan giúp việc của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã được hưởng tiền ăn thêm tính theo ngày.

b) Nguồn kinh phí thực hiện: thực hiện theo phân cấp ngân sách và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Chi cục Thủy lợi; cơ quan giúp việc của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

17. Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; với tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:

- Tổng mức chi trong xây dựng mới hoặc thay thế Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ: 30.000.000 đồng/01 văn bản.

- Trường hợp xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thì tổng mức chi thực hiện như sau: Trường hợp xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 (hai) Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ trở lên thì tổng mức chi là 30.000.000 đồng/01 văn bản. Trường hợp xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 (một) Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thì tổng mức chi là 18.000.000 đồng/01 văn bản. Trường hợp xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ bãi bỏ toàn bộ hoặc bãi bỏ một phần Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thì tổng mức chi là 9.000.000 đồng/01 văn bản.

18. Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (*ngành, nghề ưu đãi đầu tư*) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư đáp ứng một trong hai điều kiện sau: (1) Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định. (2) Dự án phi lợi nhuận, áp dụng đối với các đối tượng: Cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư, cho thuê đất và miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này. Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Nghị quyết quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất: Đối với dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; đối với dự án phi lợi nhuận; đối với dự án có thời hạn hoạt động ngắn hơn thời gian được miễn tiền thuê đất. Trường hợp dự án đầu tư được thực hiện trên địa bàn có từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP.

19. Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Người cao tuổi là công dân Việt Nam thường trú trên địa bàn thành phố Cần Thơ ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95, trên 100 tuổi và thọ 90, 100 tuổi. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được ngân

sách nhà nước cấp kinh phí để thực hiện chính sách chúc thọ, mừng thọ và các cá nhân, tổ chức có liên quan, với nội dung như sau:

Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi, gồm: Người cao tuổi ở tuổi 70 mức quà tặng 400.000 đồng/người. Người cao tuổi ở tuổi 75, mức quà tặng 500.000 đồng/người. Người cao tuổi ở tuổi 80, mức quà tặng 600.000 đồng/người. Người cao tuổi ở tuổi 85, mức quà tặng 700.000 đồng/người. Người cao tuổi thọ 90 tuổi, mức quà tặng 900.000 đồng/người và 03 mét vải lụa. Người cao tuổi ở tuổi 95, mức quà tặng 1.100.000 đồng/người và 03 mét vải lụa. Người cao tuổi thọ 100 tuổi, mức quà tặng 1.300.000 đồng/người và 05 mét vải lụa. Người cao tuổi trên 100 tuổi được chúc thọ hàng năm mức quà tặng 1.500.000 đồng/người.

20. Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định mức thù lao hàng tháng và chế độ chi hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, với nội dung như sau:

Mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số: Cộng tác viên dân số được hưởng mức thù lao hàng tháng là 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng. Chi hỗ trợ phục vụ cập nhật thông tin về Dân số trên hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu dân số, thông tin liên lạc, tuyên truyền trên mạng xã hội cho cộng tác viên dân số là 90.000 đồng/người/tháng.

21. Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định mức thù lao hàng tháng đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định mức thù lao hàng tháng đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, với nội dung như sau: Mức thù lao hàng tháng đối với: Đội trưởng là 0,6 lần mức lương cơ sở. Đội phó là 0,5 lần mức lương cơ sở. Thành viên là 0,4 lần mức lương cơ sở.

22. Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030.

Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, áp dụng đối với các đối tượng: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng nguồn vốn đầu tư công. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Về nguyên tắc hỗ trợ: việc hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật được xem xét hỗ trợ khi chủ đầu tư đã hoàn thành đầu tư xây

dựng theo tiến độ được cấp có thẩm quyền chấp thuận; thực hiện đầy đủ các cam kết của chủ đầu tư; công trình, hạng mục công trình đã được nghiệm thu hoàn thành, kiểm toán, quyết toán theo quy định; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng theo pháp luật về xây dựng. Giá trị hỗ trợ được xác định trên cơ sở giá trị quyết toán được phê duyệt và không vượt mức hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này; dự án có phân kỳ giai đoạn đầu tư thì được xem xét hỗ trợ theo phân kỳ giai đoạn của dự án (theo nguyên tắc nghiệm thu hoàn thành của từng giai đoạn) và không được tính các khoản hỗ trợ của Nhà nước vào giá bán, thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

Điều kiện đối với dự án: Dự án đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo Nghị quyết số 201/2025/QH15; dự án nhà ở xã hội đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; chấp thuận đầu tư dự án; văn bản có giá trị pháp lý tương đương trước ngày Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 có hiệu lực thi hành, chưa hoàn thành thủ tục đầu tư xây dựng mà sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, chủ đầu tư thực hiện hoàn thành các thủ tục đầu tư xây dựng để đảm bảo điều kiện khởi công theo pháp luật về xây dựng.

Cách thức thực hiện hỗ trợ: Căn cứ vào kết quả kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xây dựng, xác định giá trị thực hiện của chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố từ ngân sách địa phương theo quy định. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Cơ chế hỗ trợ: Hỗ trợ 75% chi phí đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi dự án nhà ở xã hội theo quy hoạch chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: hệ thống giao thông, hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, hệ thống quản lý chất thải rắn, hệ thống vệ sinh công cộng, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác thuộc phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng không quá 07 tỷ đồng/dự án.

23. Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, áp dụng đối với các đối tượng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này.

Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 khi thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

Đảm bảo phù hợp điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội.

Phù hợp chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; chương trình phát triển đô thị (nếu là dự án khu đô thị) theo quy định của pháp luật về phát triển đô thị.

Quy mô về diện tích: Đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng để xây dựng mới đô thị phải có diện tích sử dụng đất từ 20 ha trở lên. Đối với dự án đầu tư xây dựng khu dân cư nông thôn phải có diện tích sử dụng đất từ 03 ha trở lên. Đối với dự án đầu tư xây dựng để cải tạo, chỉnh trang đô thị thì không giới hạn diện tích.

Khu đất thực hiện dự án không thuộc trường hợp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất quy định tại Điều 127 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại Điều 125 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Khu đất thực hiện dự án đưa ra đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư không bao gồm phần diện tích đất thuộc công trình, hạng mục đầu tư đã hoàn thành, đang thực hiện hoặc dự kiến đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công hoặc phần diện tích đất thuộc dự án, công trình thực hiện theo phương thức đối tác công tư.

24. Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định nội dung chi và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030.

Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ, với nội dung như sau:

Nội dung chi và mức chi: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo định mức, định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ tài chính do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ như sau: Hỗ trợ sản xuất giống: Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành; đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án; kiểm soát chất lượng

giống: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi-rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.

25. Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức về công tác tại Trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức về công tác tại Trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính, áp dụng đối với các đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và người làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở đơn vị hành chính cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển, bố trí về công tác tại Trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính và cán bộ, công chức ở đơn vị hành chính cấp tỉnh được cấp thẩm quyền điều động, luân chuyển về giữ chức vụ Bí thư, Phó Bí thư ở đơn vị hành chính cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, sau sắp xếp đơn vị hành chính được phân công, bố trí về công tác tại Trung tâm hành chính cấp xã. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước, với nội dung như sau:

Về chính sách hỗ trợ: đối tượng không thuộc trường hợp được bố trí nhà ở công vụ, xe đưa rước đi làm việc (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên), được hưởng chính sách hỗ trợ 3.000.000 đồng/người/tháng, bao gồm: Hỗ trợ chi phí đi lại 1.000.000 đồng/người/tháng. Hỗ trợ tiền ăn 1.000.000 đồng/người/tháng. Hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ 1.000.000 đồng/người/tháng; đối tượng thuộc diện được bố trí nhà ở công vụ, xe đưa rước đi làm việc nhưng chưa được bố trí nhà ở công vụ, xe đưa rước đi làm việc thì được hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ, chi phí đi lại tương ứng cho đến khi được bố trí nhà ở công vụ, xe đưa rước đi làm việc; trường hợp đối tượng có khoảng cách từ nơi đăng ký thường trú đến nơi làm việc dưới 15 km thì được hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, không hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ.

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên cân đối theo khả năng nguồn tài chính của đơn vị để hỗ trợ cho viên chức về công tác tại đơn vị và phải quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Chính sách hỗ trợ thực hiện theo hình thức khoán và được chi trả định kỳ hàng tháng cùng với tiền lương hiện hưởng. Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ là 24 tháng, kể từ tháng 7 năm 2025 đến tháng 6 năm 2027 từ nguồn ngân sách thành phố và bố trí trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp xã.

26. Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định mức chi tiền công thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định cụ thể mức chi tiền công thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ tại điểm đ, điểm e và điểm g khoản 3 Điều 2 Thông tư số 143/2025/TT-BTC, với nội dung như sau:

Chi tiền công cho các thành viên Hội đồng và thư ký Hội đồng các cấp nhận xét hồ sơ, tóm tắt thành tích và phân loại hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu vinh dự nhà nước: 200.000 đồng/thành viên/hồ sơ; chi tiền công cho các thành viên Hội đồng thẩm định, thư ký Hội đồng các cấp nhận xét, tóm tắt trích ngang, phân loại, đánh giá hồ sơ và thành viên được phân công phản biện đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước”: 500.000 đồng/thành viên/công trình/tác phẩm. Riêng đối với chi tiền công thẩm định, nhận xét, phân loại, đánh giá, phản biện hồ sơ cụm công trình, cụm tác phẩm: 700.000 đồng/thành viên/cụm công trình/cụm tác phẩm.

Chi tiền công họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các Hội đồng theo quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP: Chủ trì cuộc họp 700.000 đồng/người/buổi (riêng đối với chi tiền công họp xét tặng các danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”: 1.000.000 đồng/người/buổi). Thành viên Hội đồng 300.000 đồng/người/buổi (riêng đối với chi tiền công họp xét tặng các danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”: 700.000 đồng/người/buổi). Người tham gia phục vụ họp Hội đồng: 200.000 đồng/người/buổi.

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí trích 20% trong tổng quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và thi đua, khen thưởng.

27. Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức có sử dụng lao động, cộng đồng dân cư; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương, người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ, với các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở như sau:

Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực trong thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá xếp loại hằng năm đối với cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức và lãnh đạo, quản lý.

Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số.

Kịp thời biểu dương, khen thưởng gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

28. Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định nội dung, mức chi đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ, trong đó gồm 04 nhóm đối tượng được áp dụng theo nguyên tắc: Đối tượng 1, 2, 3, 4 quy định tại Điều 2 mà không ghi là đương chức hay nguyên chức thì được hiểu là áp dụng đối với cả đương chức và nguyên chức. Nguyên chức được hiểu là cán bộ đã từng giữ chức vụ và hiện đã nghỉ hưu; trường hợp một cán bộ có nhiều chức danh hoặc có chế độ hỗ trợ riêng của ngành tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ một mức cao nhất. Cán bộ đương chức thực hiện chăm sóc sức khỏe theo chức danh hiện tại; khi nghỉ hưu cư trú và sinh hoạt đảng trên địa bàn thành phố, được chăm sóc sức khỏe theo chức danh cao nhất đã từng kinh qua; không áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này đối với các trường hợp sau đây: Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức cách chức trở lên. Cán bộ bị kết án phạt tù bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Nội dung, mức chi: (1) Khám sức khỏe định kỳ. (2) Danh mục chi phí khám sức khỏe cán bộ thực hiện theo quy định của Bộ Y tế. Định mức chi phí khám sức khỏe định kỳ được chi trả theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh của bệnh viện nơi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ. (3) Hỗ trợ chi phí điều trị bệnh (ngoài phạm vi thanh toán của Bảo hiểm y tế). (4) Hỗ trợ chi phí đối với chuyên gia tham gia hội chẩn chuyên môn. (5) Chi phí phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe.

29. Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng

do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và xã, phường thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng được quy định tại Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Với nội dung chi và mức chi như sau: Chi đón tiếp các đoàn đại biểu, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ. Đối với các đoàn đại biểu và cá nhân đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Cần Thơ, chi tặng quà lưu niệm, chúc mừng nhân dịp các đoàn đại biểu và cá nhân (sau đây gọi chung là đại biểu): Mức chi: 1.000.000 đồng/lần/người.

Chi tặng quà chúc mừng, thăm hỏi, phúng viếng đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Chi tặng quà chúc mừng nhân ngày Tết Nguyên đán, ngày lễ hoặc ngày lễ trọng (ngày lễ kỷ niệm trọng thể nhất của từng dân tộc): Mức chi 1.000.000 đồng/người/lần. Việc tặng quà chúc mừng ngày Tết Nguyên đán, ngày lễ hoặc ngày lễ trọng không quá 02 lần/người/năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và xã, phường tự quyết định việc chọn ngày lễ nào để tặng quà chúc mừng cho phù hợp với đặc thù của từng đối tượng; chi thăm hỏi khi ốm đau hoặc gặp khó khăn về kinh tế: Đối với thành phố, mức chi 2.500.000 đồng/người/năm. Đối với xã, phường, mức chi 1.500.000 đồng/người/năm; chi phúng viếng khi cá nhân qua đời (bao gồm cả vòng hoa): Đối với thành phố mức chi 2.000.000 đồng/người. Đối với xã, phường, mức chi 1.500.000 đồng/người.

30. Nghị quyết số 38/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp bao gồm: Các doanh nghiệp (trong nước), hợp tác xã, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Các cơ quan quản lý Nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan đến việc đầu tư và hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, với nội dung như sau:

Điều kiện và hình thức hỗ trợ: Điều kiện hỗ trợ: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phải thực hiện đúng trình tự đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Cụm công nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 (một) lần.

Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 4, Điều 2 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Hỗ trợ 30% tổng mức vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp nhưng không quá 50 tỷ đồng/01 dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đối với cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và không quá 30 tỷ đồng/01 dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đối với cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

31. Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán, thực hiện chính sách và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán, thực hiện chính sách và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Sở Nội vụ, cơ quan, đơn vị cấp thành phố được giao thực hiện công tác quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán, thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. Ủy ban nhân dân xã, phường được giao thực hiện công tác quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán, thực hiện chính sách, chi trả và tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan, với nội dung như sau:

Mức chi phí quản lý: Tại Sở Nội vụ, 0,6% trên tổng số kinh phí được giao thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng toàn thành phố (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ). Tại Ủy ban nhân dân xã, phường, 0,6% trên tổng kinh phí được giao tại xã, phường thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ).

Mức chi thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp hoặc mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả: 0,5% trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng.

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

32. Nghị quyết số 40/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố quy định chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết quy định mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực; số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ, áp dụng đối với các đối tượng: Những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực; người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

a) Mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực.

- Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp có từ 700 hộ gia đình trở lên; khu vực có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; ấp, khu vực thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; ấp đặc biệt khó khăn như sau: Bí thư chi bộ ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,7 nhân với mức lương cơ sở. Trưởng ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,7 nhân với mức lương cơ sở. Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,6 nhân với mức lương cơ sở.

- Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này như sau: Bí thư chi bộ ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,2 nhân với mức lương cơ sở. Trưởng ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,2 nhân với mức lương cơ sở. Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,1 nhân với mức lương cơ sở.

- Người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực nếu kiêm nhiệm thêm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực hoặc kiêm nhiệm chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực thì kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng mức phụ cấp, mức hỗ trợ kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

b) Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực.

- Đối với ấp có từ 700 hộ gia đình trở lên; khu vực có từ 1.000 hộ gia đình trở lên được bố trí không quá 02 (hai) Phó Trưởng ấp, khu vực và được hưởng mức hỗ trợ bằng 1,3 nhân với mức lương cơ sở/người/tháng.

- Đối với ấp, khu vực không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được bố trí 01 (một) Phó Trưởng ấp, khu vực và được hưởng mức hỗ trợ bằng 1,3 nhân với mức lương cơ sở/người/tháng.

- Người đứng đầu các tổ chức thuộc các hội (Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ) ở ấp, khu vực được hưởng mức hỗ trợ như sau: Đối với ấp có từ 700 hộ gia đình trở lên, khu vực có từ 1.000 hộ gia đình trở lên được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,7 nhân với mức lương cơ sở/người/tháng. Đối với ấp, khu vực không thuộc quy định tại điểm a khoản này được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,5 nhân với mức lương cơ sở/người/tháng.

- Người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực nếu kiêm nhiệm thêm chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực thì kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng mức hỗ trợ kiêm nhiệm bằng 100% mức mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

33. Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 6 tháng cuối năm 2026.

a) Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với đánh giá kết quả tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 6 tháng đầu năm 2026 tại Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với 10 nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 6 tháng cuối năm 2026, với những nội dung chính như sau:

- Tập trung hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô địa phương.

- Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và huy động các nguồn lực cho phát triển.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics và du lịch; nâng cao năng lực xuất khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác quy hoạch; nâng cao hiệu quả quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị và nhà ở.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số và nâng cao hiệu quả quản trị đô thị thông minh.

- Tăng cường liên kết vùng, mở rộng hợp tác đối ngoại, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế và thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, lao động, việc làm; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, dân tộc và tôn giáo.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

34. Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 các nguồn vốn ngân sách địa phương và cho ý kiến về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách trung ương.

1. Nghị quyết thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 các nguồn vốn ngân sách địa phương với các nội dung chủ yếu như sau:

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 các nguồn vốn ngân sách địa phương là 82.473 tỷ đồng, trong đó: Các nguồn vốn ngân sách địa phương 82.217 tỷ đồng. Nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại 256 tỷ đồng.

b) Phương án phân bổ 82.473 tỷ đồng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 thành phố Cần Thơ:

- Vốn không phân cấp quản lý: 8.166,850 tỷ đồng, trong đó: Tiết kiệm ngay từ đầu năm 5% dự toán chi đầu tư các nguồn vốn thuộc cân đối ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao để bổ sung vốn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng 3.910,850 tỷ đồng. Nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại 256 tỷ đồng. Nguồn tăng thu, kết dư ngân sách,... 4.000 tỷ đồng.

- Vốn phân chia theo tiêu chí định mức: 74.306,150 tỷ đồng, trong đó: Thành phố quản lý 55.729,613 tỷ đồng. Phường, xã quản lý 18.576,537 tỷ đồng (dành tối thiểu 3% trên tổng số vốn ngân sách địa phương vốn bố trí cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số).

c) Kế hoạch phân bổ chi tiết các nguồn vốn thành phố quản lý.

Tổng số kế hoạch vốn thành phố quản lý 59.985,613 tỷ đồng (trong đó, dành tối thiểu 3% là 1.792 tỷ đồng cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số), được phân bổ chi tiết như sau:

- Dự phòng 10% (dành để bố trí thanh toán công tác quyết toán công trình, tất toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán, các nhiệm vụ/dự

án cấp bách và các phát sinh khác trong quá trình thực hiện kế hoạch): 5.972,961 tỷ đồng.

- Chi trả lãi và gốc các khoản vay: 1.600,586 tỷ đồng.
- Đối ứng các Chương trình mục tiêu Quốc gia: 2.000 tỷ đồng.
- Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ: 3.900 tỷ đồng.
- Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân thành phố Cần Thơ: 62,5 tỷ đồng.
- Chi hỗ trợ đầu tư theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP: 25 tỷ đồng.
- Chính phủ vay về cho địa phương vay lại: 256 tỷ đồng.
- Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: 327,900 tỷ đồng.
- Vốn thực hiện dự án: 45.840,666 tỷ đồng, giao chi tiết như sau:
 - + Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng: 171,704 tỷ đồng.
 - + Dự án chuyển tiếp: 11.081,300 tỷ đồng.
 - + Dự án khởi công mới: 8.770,797 tỷ đồng.
 - + Số vốn còn lại chưa giao chi tiết: 25.816,865 tỷ đồng.

2. Thống nhất dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách trung ương với tổng số vốn là 87.203,048 tỷ đồng, trong đó vốn trong nước là 71.896,336 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 15.306,712 tỷ đồng.

35. Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của thành phố Cần Thơ (lần 1).

Nghị quyết thông qua điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của thành phố Cần Thơ (lần 1) như sau:

a) Điều chỉnh, bổ sung tổng thu ngân sách địa phương năm 2026, tăng 18.135.976 triệu đồng, bao gồm: Bổ sung dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 75.823 triệu đồng, bổ sung dự toán thu chuyển nguồn ngân sách năm 2025 chuyển sang năm 2026: 18.056.600 triệu đồng; bổ sung dự toán thu viện trợ: 3.553 triệu đồng.

b) Điều chỉnh, bổ sung tổng chi ngân sách địa phương năm 2026, tăng 18.135.976 triệu đồng, bao gồm: Bổ sung dự toán chi thường xuyên (chi từ nguồn viện trợ): 3.553 triệu đồng, bổ sung dự toán chi từ thu chuyển nguồn ngân sách năm 2025 chuyển sang năm 2026: 18.056.600 triệu đồng, bổ sung dự toán chi hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 75.823 triệu đồng.

36. Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của thành phố Cần Thơ (lần 1).

Điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán thu ngân sách địa phương năm 2026: Điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán thu ngân sách cấp thành phố từ 46.535.484 triệu đồng lên 63.177.721 triệu đồng, tăng 16.642.237 triệu đồng; Điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán thu ngân sách cấp xã từ 19.274.836 triệu đồng lên 23.242.743 triệu đồng, tăng 3.967.907 triệu đồng.

Điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026: Điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán chi ngân sách cấp thành phố từ 46.507.184 triệu đồng lên 63.149.421 triệu đồng, tăng 16.642.237 triệu đồng; điều chỉnh, bổ sung phân bổ dự toán chi ngân sách cấp xã từ 19.274.836 triệu đồng lên 23.242.743 triệu đồng, tăng 3.967.907 triệu đồng.

37. Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 của thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết về việc phê chuẩn quyết toán địa phương năm 2025 của thành phố Cần Thơ, với các nội dung như sau:

	(Đơn vị tính: Đồng)
I. Tổng thu ngân sách nhà nước:	91.491.102.151.511
Trong đó:	
Tổng thu ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu giao:	26.963.492.722.779
- Thu nội địa:	25.808.239.534.381
- Thu hải quan:	903.707.047.871
II. Tổng thu ngân sách địa phương:	89.361.293.060.773
1. Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp:	24.770.854.951.333
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	42.938.045.334.476
3. Thu các khoản huy động, đóng góp:	221.781.289.268
4. Thu viện trợ:	12.094.935.456
5. Thu kết dư năm trước:	2.606.060.094.089
6. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	18.785.790.512.165
7. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên:	26.665.943.986
III. Tổng chi ngân sách địa phương:	84.564.586.782.552
1. Chi cân đối ngân sách địa phương:	48.494.777.281.301
2. Chi chuyển nguồn sang năm sau:	18.097.320.214.709
3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới:	17.693.652.102.886
4. Chi nộp ngân sách cấp trên:	137.175.183.656
5. Chi hỗ trợ các địa phương khác:	141.662.000.000
IV. Kết dư ngân sách năm 2025:	4.796.706.278.221

Thu: 89.361.293.060.773 - Chi: 84.564.586.782.552

1. Kết dư ngân sách cấp thành phố: 4.333.271.664.294
(Số kết dư ngân sách thành phố không bao gồm vay và chi trả nợ gốc)
2. Kết dư ngân sách cấp xã, phường: 463.434.613.927
- V. Chi trả nợ gốc: 142.790.342.163
- VI. Tổng vay của ngân sách địa phương: 60.538.304.346

38. Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2024.

Nghị quyết về việc điều chỉnh Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2024, trong đó: Điều chỉnh khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, điều chỉnh số liệu tại Biểu 48, 51, 52, 53 kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (chi tiết số liệu điều chỉnh theo Phụ lục đính kèm).

Các nội dung còn lại thực hiện theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2024.

39. Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố thông qua Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ (đợt 2).

Nghị quyết thông qua Danh mục 43 công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ (đợt 2), với tổng diện tích là 5.348,48ha, đối với: Danh mục 37 công trình, dự án phải thu hồi đất mới, với tổng diện tích 5.216,77 ha. Danh mục 06 công trình, dự án phải thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua cần chuyển tiếp để thực hiện, với tổng diện tích 131,71ha.

40. Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết thống nhất giao Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

41. Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương (đợt 4).

a) Điều chỉnh khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước.

Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương thuộc kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ là 12.325.900 triệu đồng, gồm: Nguồn cân đối ngân sách địa phương 2.704.900 triệu đồng. Nguồn thu tiền sử dụng đất 2.465.000 triệu đồng. Nguồn thu xổ số kiến thiết 6.900.000 triệu đồng. Nguồn bội chi ngân sách địa phương (Chính phủ vay về cho vay lại) 256.000 triệu đồng.

b) Thống nhất giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương với tổng số vốn là 2.096.295 triệu đồng, cụ thể như sau: Vốn chuẩn bị đầu tư giao chi tiết 28.011 triệu đồng cho 12 dự án. Vốn thực hiện dự án giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung 2.068.284 triệu đồng cho 41 dự án.

42. Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố lựa chọn Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang tiếp tục áp dụng.

Nghị quyết lựa chọn Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang tiếp tục áp dụng.

Thời gian thực hiện: đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

43. Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc thông qua Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ (đợt 3).

Nghị quyết thông qua Danh mục 05 khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ (đợt 3), với diện tích 360,11ha gồm: Danh mục 03 khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 trên địa bàn thành phố Cần Thơ (đợt 3), với diện tích 294,53ha. Danh mục 02 khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 trên địa bàn thành phố Cần Thơ (đợt 3), với diện tích 65,58ha.

44. Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030.

Nghị quyết thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030 và bãi bỏ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang.

45. Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 đã được chuyển nguồn sang năm 2025) sang năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết thống nhất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 đã được chuyển nguồn sang năm 2025) sang năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ với tổng số vốn là 41.199,386 triệu đồng, cụ thể như sau:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025) sang năm 2026 với tổng số vốn là 1.922,368 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025) sang năm 2026 với tổng số vốn là 17.680,633 triệu đồng.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Cần Thơ: Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 được chuyển nguồn sang năm 2025) sang năm 2026 với tổng số vốn là 21.596,385 triệu đồng.

46. Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

a) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 2 như sau: “5. Giá dịch vụ kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh không in phim (theo Phụ lục VI đính kèm)”.

b) Sửa đổi, bổ sung các phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố:

- Bổ sung tên Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ cơ sở III áp dụng tại các Phụ lục I, II, III, IV, V, VI và Phụ lục sửa đổi, bổ sung giá khám bệnh áp dụng tại Phụ lục II, III kèm theo Nghị quyết số 277/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đối với Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ cơ sở III.

- Điều chỉnh tên gọi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ thành Phòng Khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ áp dụng tại Phụ lục I, II.

- Bổ sung tên Phòng Khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ, Phòng Xét nghiệm thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ áp dụng tại Phụ lục IV.

- Sửa đổi, bổ sung Giá dịch vụ khám bệnh, hội chẩn của Trung tâm Y tế khu vực Sóc Trăng tại Phụ lục II.

- Sửa đổi tên dịch vụ phê duyệt giá và mã dịch vụ kỹ thuật dùng chung của 111 danh mục kỹ thuật áp dụng tại Phụ lục IV.

- Sửa đổi tên dịch vụ phê duyệt giá của 8 danh mục kỹ thuật áp dụng tại Phụ lục V.

47. Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố phát triển thanh niên thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030.

Nghị quyết thông qua mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển thanh niên thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, gồm các nội dung như sau:

a) Với mục tiêu tổng quát: Xây dựng thể hệ thanh niên thành phố Cần Thơ phát triển toàn diện, giàu lòng yêu nước, có ý chí tự cường, tự hào dân tộc; có lý tưởng cách mạng, hoài bão, khát vọng vươn lên xây dựng và bảo vệ đất nước; có đạo đức, ý thức công dân, chấp hành pháp luật; có sức khỏe và lối sống lành mạnh; có văn hóa, kiến thức, trình độ học vấn, kỹ năng sống, nghề nghiệp và việc làm; có ý chí lập thân, lập nghiệp, năng động, sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ. Phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của thành phố trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Phát huy tinh thần cống hiến, xung kích, tình nguyện và nâng cao trách nhiệm của thanh niên trên địa bàn thành phố trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển thành phố.

b) Thông qua 06 mục tiêu và 08 nhiệm vụ, giải pháp.

48. Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND thành phố về việc chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ Ba của HĐND thành phố khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Nghị quyết thông qua về việc chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ Ba của HĐND thành phố khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, tập trung vào một số lĩnh vực như: kinh tế; xây dựng, nông nghiệp, môi trường; văn hóa, xã hội; tư pháp, hộ tịch, thi hành án.

Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 06 tháng cuối năm 2026; tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung đã cam kết tại phiên chất vấn và tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau: Về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số. Lĩnh vực công thương. Lĩnh vực giao thông nông thôn; nông nghiệp và môi trường. Lĩnh vực y tế, du lịch. Lĩnh vực khoa học và công nghệ. Lĩnh vực tư pháp. Lĩnh vực nội vụ. Lĩnh vực quản lý dữ liệu dân cư. Lĩnh vực thi hành án dân sự.

Kết thúc nội dung chương trình là phát biểu bế mạc kỳ họp của đồng chí Đồng Văn Thanh, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố, Chủ tọa kỳ họp.

Kỳ họp thứ Ba (kỳ họp thường lệ giữa năm 2026) của HĐND thành phố khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 kết thúc vào lúc 16 giờ 50 phút, ngày 30/6/2026.

Trên đây là Thông báo kết quả Kỳ họp thứ Ba (kỳ họp thường lệ giữa năm 2026) của HĐND thành phố Cần Thơ khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031. /: *nguyễn*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Đoàn ĐBQH thành phố Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT. *nguyễn*

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mã Thị Tươi